

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2017/ DS-ST**

Ngày 18 tháng 9 năm 2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Duy Khánh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Đur Thị Út**.

2- Ông **Nguyễn Đức Hòa**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông **Bùi Công Bằng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu: bà **Trần Mỹ Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 46/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2017/QĐXX-ST ngày 17 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2017/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn A** - sinh năm 1953.

Trú tại: khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

* *Bị đơn:* Bà **Trần Thị B** - sinh năm 1969

Trú tại: khóm N, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện ngày 13/3/2017, biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2017 và tại phiên tòa, ông A, là nguyên đơn trình bày: Vào ngày 27/01/2017 con trai của bà B tên C và một người tên D có xuống nhà ông A hỏi vay tiền, C là người trực tiếp hỏi vay, nhưng ông A nói nếu mượn tiền thì phải có cha mẹ đứng ra mượn thì ông mới cho, sau đó C và D đi về. Đến chiều cùng ngày C và D quay lại nhà ông A và C nói cho C, D và một người bạn của C mượn tổng số tiền 11.000.000 đồng (không nói mỗi người mượn bao nhiêu) và kêu ông A lại nhà C để nói chuyện với bà B. Sau đó, C chở D về nhà của bà B. Khi ông A đến nhà bà B thì nói với bà B: “Nếu chị nhận thì tôi mới đưa tiền, nếu

mấy đứa này mượn thì tôi không đưa tiền”. Khi nghe ông A nói thì bà B không trả lời mà quay qua nói chuyện với C và D: “Tiền này tao nhận cho tụi bay nhưng tụi bay phải làm sao chứ đừng bắt tao chịu”. Bà B nói xong thì ông A đưa cho bà B mượn số tiền 11.000.000 đồng nhưng không thỏa thuận về lãi suất và thời hạn trả nợ với bà B. Nay ông A yêu cầu bà B trả số tiền vốn vay 11.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/4/2017, bà B, là bị đơn trình bày: Vào khoảng 20 giờ ngày 30/12/2016 Âm lịch (Nhằm ngày 27/01/2017 Dương lịch) khi đi làm về đến nhà thì thấy ông A đang ngồi đếm tiền, lúc này tại nhà bà B có mặt ông A, anh C (là con bà B) và D (là bạn B). Ông A nói với bà B: “Chị nhận nợ cho mấy đứa nhỏ nhe” thì bà B đồng ý. Sau đó ông A đưa cho C (là con bà B) mượn 7.000.000 đồng, đưa cho D mượn 2.000.000 đồng và đưa cho C giữ 2.000.000 đồng nói cho anh N mượn, nhờ C đưa lại cho N. Nay bà B xác định bà chỉ chứng kiến việc ông A cho C, D và N mượn tiền chứ không có mượn tiền của ông A nên bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của ông A.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2017, anh D, là người làm chứng khai: Khoảng 16 giờ ngày 30 tết năm 2016 Âm lịch, anh D và anh C đến nhà ông A hỏi mượn tiền nhưng ông A không cho mượn vì cần có người lớn đứng ra bảo lãnh. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì ông A đến nhà bà B, lúc này có mặt bà B, anh C và anh D. Tại đây, ông A nói với bà B: “Tiền này chị chịu bảo lãnh thì tôi mới đưa” thì bà B nói: “Không sao đâu, sau này có gì cứ đòi tôi”. Khi bà B nói xong thì ông A đưa cho bà B 11.000.000 đồng, nhận tiền xong bà B đã đưa lại toàn bộ cho anh C.

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Có căn cứ xác định ngày 30/12/2016 Âm lịch, nhằm ngày 27/01/2017 Dương lịch, tại nhà bà B, ông A có đưa cho bà B số tiền 11.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ở khóm N, phường N, thành phố B ngày 20/02/2017 bà B cũng thừa nhận có mượn của ông A số tiền 11.000.000 đồng. Căn cứ quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng cho bà B, nhưng tại phiên Tòa hôm nay bà B vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn là bà B tại phiên tòa hôm nay.

- Về yêu cầu khởi kiện của ông A yêu cầu bà B trả số tiền vốn vay 11.000.000 đồng, bà B xác định không vay tiền nên không đồng ý trả nợ nên hai bên phát sinh tranh chấp. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án. Do bà B đang cư trú trên địa bàn thành phố B nên Tòa án nhân dân thành phố B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: cả ông A và bà B đều xác định sự việc xảy ra vào ngày 30/12/2016 Al (Nhằm ngày 27/01/2017 Dl). Như vậy, tính từ ngày 27/01/2017 đến ngày ông Út khởi kiện 13/3/2017 là chưa quá 03 năm nên yêu cầu của ông A vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

- Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của ông A yêu cầu bà B trả số tiền nợ vốn 11.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: cả ông A và bà B đều thống nhất xác định vào ngày 27/01/2017 tại nhà bà B có mặt anh C và anh D. Ông A thì xác định giao tiền cho bà B rồi bà B đưa lại cho anh C; còn bà B thì xác định ông A đưa tiền trực tiếp cho anh C. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2017 anh D khai anh có chứng kiến ông A giao trực tiếp 11.000.000 đồng cho bà B. Đối với anh C Tòa án không làm việc được do không còn ở địa phương. Ngoài ra các đương sự không cung cấp được chứng cứ khác chứng minh cho phần trình bày của mình. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định ngày 27/01/2017 ông A có đưa cho bà B số tiền 11.000.000 đồng.

Tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay”. Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 20/02/2017 tại Ban nhân dân khóm N, Phường N, thành phố B thì bà B thừa nhận có mượn ông A số tiền 11.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: ngày 27/01/2017 bà B có vay của ông A số tiền 11.000.000 đồng nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A, buộc bà B có trách nhiệm hoàn trả ông A số tiền vốn vay 11.000.000 đồng.

Do ông A không yêu cầu tiền lãi suất phát sinh từ khi vay đến nay nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, như đã phân tích ở trên là có cơ sở, phù hợp với nội dung vụ án nên được chấp nhận toàn bộ.

Về án phí: theo khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định: “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Bà B phải trả nợ cho ông A số tiền 11.000.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng như sau: 11.000.000 đồng x 5% = 550.000 đồng.

Ông A không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 357, Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

- Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A,
Buộc bà B có trách nhiệm hoàn trả ông A số tiền nợ vốn là 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B phải nộp 550.000 đồng (năm trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông A không phải nộp án phí. Ông A đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007361 ngày 22/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B nay được hoàn lại toàn bộ.

3/. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4/. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP B;
- THA TP B;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Duy Khánh